Dòng tiền tham gia mạnh nhóm vốn hóa lớn

02/06/2023

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,090.84	226.03	83.96
% ngày	1.15%	0.92%	0.54%
% tuần	2.55%	3.85%	4.19%
% tháng	3.98%	8.94%	7.96%
% năm	-15.35%	-27.50%	-10.98%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	9,763	1,044	442
TB 1 tuần	15,641	1,893	965
TB 1 tháng	12,623	1,602	696
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,162.07	5.76	40.43
Bán	1,385.09	35.35	42.35
Giá trị ròng	-223.02	-29.59	-1.92
Độ rộng TT			
Mã Tăng	138	108	149
Mã Giảm	305	78	107
Không Đổi	56	73	84
Chỉ số chính			
P/E	12.93	17.60	13.43
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	4,383	281	1,048
LS Cổ tức	3.46%	1.56%	6.25%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX

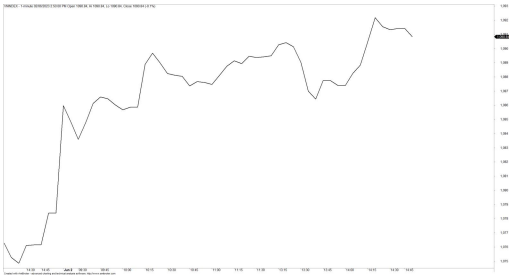

HNXINDEX

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường ghi nhận phiên bứt phá mạnh với yếu tố hỗ trợ từ dòng tiền và thông tin tích cực từ TTCK Mỹ. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 1.15% dừng tại 1090.84 điểm, chỉ số HNX-Index và Upcom-Index tăng lần lượt 0.92% và 0.54%. Giá trị giao dịch khớp lện tăng mạnh lên mức cao đạt 19,534 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Nhóm Ngân hàng có sự đồng thuận ở đà tăng với VIB tăng hết biên độ, TCB (6.3%) trong khi VPB, HDB, MBB, CTG, SHB, MSB đều tăng trên 2% trở lên. Các cổ phiếu chưa tăng mạnh vừa qua như MWG (3.8%), PLX (2.1%) cũng có mức tăng mạnh trong phiên cuối tuần. Chỉ số VN30-Index ghi nhận 23 mã tăng và 4 mã giảm cho thấy sắc xanh áp đảo.

Dòng tiền dịch chuyển sang nhóm vốn hóa lớn khiến nhóm vốn hóa vừa và nhỏ phân hóa hơn nhưng vẫn có sự tích cực tại GEX, DGC, DPM, DCM, VCG, PNJ đều tăng từ 2-4% mỗi mã.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 255 tỷ đồng toàn thị trường trong đó VPB (93 tỷ), VNM (72 tỷ), STB (38 tỷ) bị bán ròng khá nhất. Ở chiều ngược lại, VCB (63 tỷ), SSI (50 tỷ), VCI (25 tỷ) là các mã dẫn đầu ở chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần sau khi chỉ số VN-Index kiểm định mức kháng cự 1,095 điểm. Vùng hỗ trợ gần nhất của chỉ số VN-Index là 1,078 – 1,085 điểm – Đây là vùng khoảng trống tăng giá được hình thành trong phiên 02/06/2023. Đồng thời, chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu khi áp lực bán có thể gia tăng lên nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, đặc biệt là nhóm cổ phiếu Penny. Ngoài ra, chỉ báo tâm lý ngắn hạn tiếp tục cho thấy các nhà đầu tư đã lạc quan hơn với diễn biến thị trường hiện tại.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức cao, nhưng các nhà đầu tư nên dừng mua vào nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ hoặc có thể chốt lời một phần tỷ trọng các cổ phiếu đã có mức sinh lời cao sang những cổ phiếu mới bắt đầu hình thành điểm mua hoặc mới tăng.

Theo đồ thị tuần, chỉ số VN-Index ghi nhận tăng 2.5% so với tuần giao dịch trước đó và đồ thị giá có dấu hiệu thoát khỏi giai đoạn tích lũy ngắn hạn cho thấy xu hướng tăng trung hạn có thể sẽ sớm rõ ràng hơn trong giai đoạn tới. Đồng thời, rủi ro trung hạn vẫn ở mức thấp và xu hướng trung hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tiếp tục gia tăng tỷ trọng cổ phiếu với mục tiêu nắm giữ trung hạn. Các nhà đầu tư có thể chú ý các nhóm cổ phiếu Điện, Ngân hàng, Dược phẩm, Khai khoáng, Vận tải.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: https://ysradar.yuanta.com.vn/

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index

Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1110	1130	870	800
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	197	210	189	160
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	1120	1140	980	960
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,030	1200	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	1000	1150	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1090.84	1.15%
VN30	1086.96	1.77%
VN Mid	1429.54	1.27%
VN Small	1308.35	-0.01%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1162.07	
Bán	1385.09	
GT ròng	-223.02	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VPG	1150	6.99%
VIB	1500	6.96%
TDH	330	6.85%
TCB	1900	6.27%
FUESSVFL	840	5.19%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SGR	-1850	-6.85%
DRH	-330	-4.83%
EVG	-340	-4.83%
OGC	-400	-4.12%
ABS	-270	-3.87%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	449,116	
VHM	232,523	
BID	226,116	
VIC	198,325	
GAS	176,083	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHB	57,355,367	21,468,732
MBB	35,303,571	7,954,736
VND	30,052,639	27,132,979
VPB	29,791,548	8,833,474
SSI	27,440,682	18,986,069

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	226.03	0.92%
HN30	419.68	0.35%
VNX AllSh	1062.92	1.49%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.76	
Bán	35.35	
GT ròng	-29.59	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PTI	2900	10.00%
NVB	1300	9.56%
TVC	400	7.55%
EVS	600	4.84%
BVS	1100	4.62%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND	Chg%
NRC	-400	-6.78%
AMV	-300	-5.66%
DTD	-1700	-5.36%
DL1	-200	-3.64%
MBG	-200	-3.17%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
PVS	14,817	
THD	13,965	
IDC	13,860	
KSF	12,840	
BAB	11,918	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	22,770,494	20,333,680
PVS	7,973,773	7,021,583
CEO	7,795,951	7,957,400
AMV	4,731,648	2,912,410
HUT	4,519,786	2,560,229

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	83.96	0.54%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	40.43	
Bán	42.35	
GT ròng	-1.92	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
KLB	1662	13.85%
PVX	395	13.62%
BVB	688	6.25%
AMS	668	5.96%
ABW	663	5.87%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TVP	-1958	-6.99%
VHG	-203	-5.64%
DSC	-937	-4.20%
VEF	-4801	-3.96%
NTC	-3359	-1.93%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	169,325	
VGI	72,604	
MCH	52,963	
BSR	52,895	
VEA	51,249	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
BSR	11,467,997	7,832,561
PVX	9,148,549	1,315,547
DTE	9,011,168	138,305
VHG	8,831,554	4,268,873
ABB	6,134,157	2,124,892

Nguồn: BloomBerg & YSVN

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH

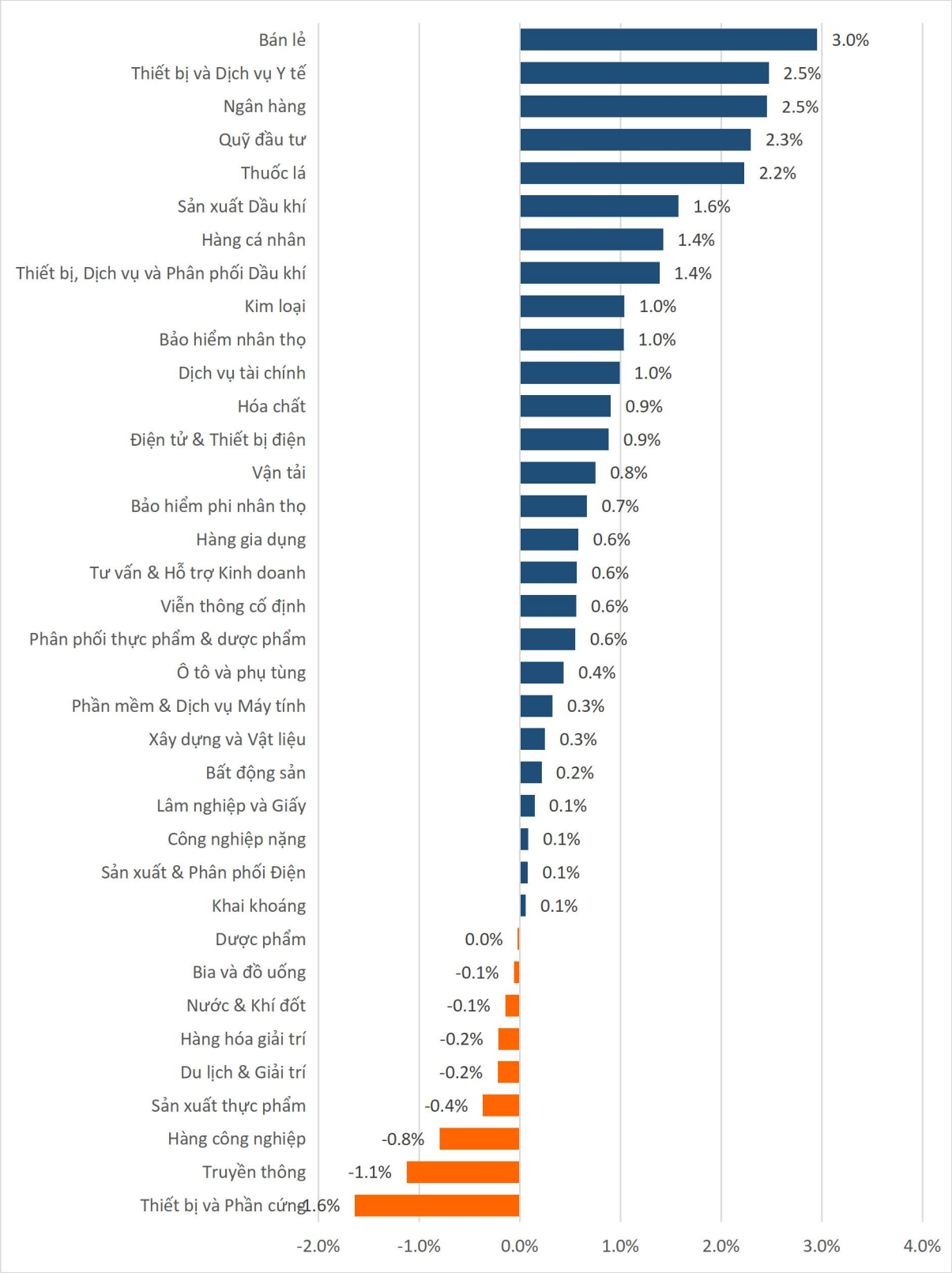

Nguồn: FiinPro – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

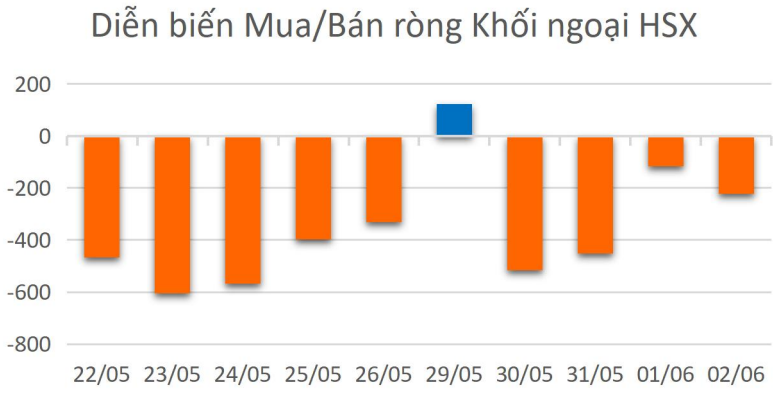

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	62,592	VPB	93,372
SSI	50,314	VNM	71,652
VCI	25,269	STB	38,210
CTG	23,073	HCM	33,325
KBC	20,773	GMD	30,984

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

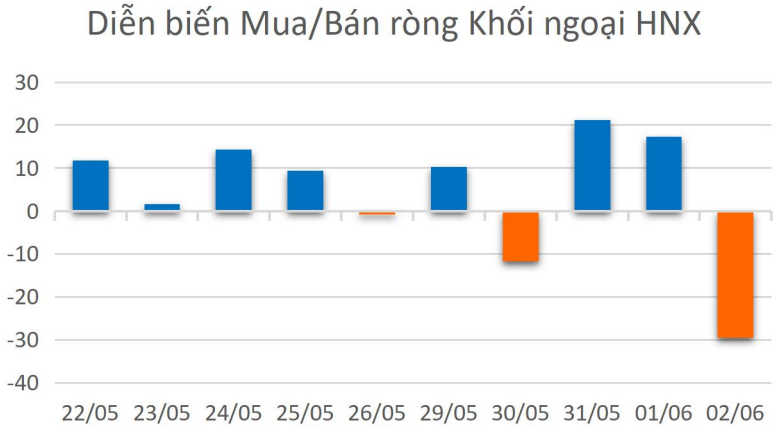

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TVD	1,237	PVS	18,792
DTD	600	SD5	4,953
VCS	577	PTI	2,137
MBG	310	NVB	1,505
PPS	296	SHS	1,370

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

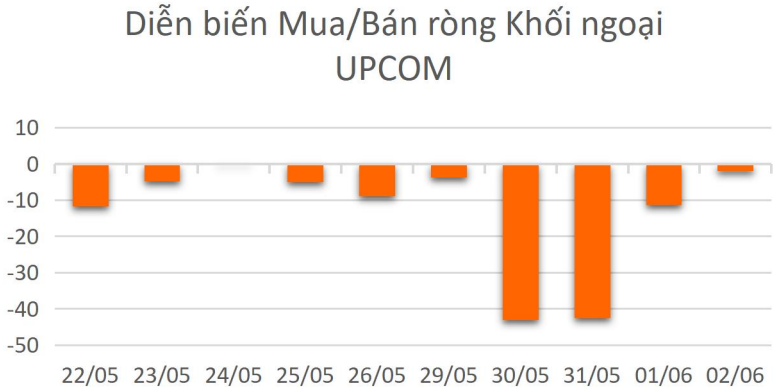

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FOC	3,609	VTP	**6,961**
QNS	2,277	MPC	**2,795**
CST	1,357	VEA	**643**
MCH	1,220	VGG	**325**
PHP	743	ABI	**319**

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VIX	53,142	CTG	53,955
E1VFVN30	23,352	VGC	48,158
FUEVFVND	21,533	VNM	44,118
MWG	9,991	TCB	12,857
DGC	9,397	HPG	11,938

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

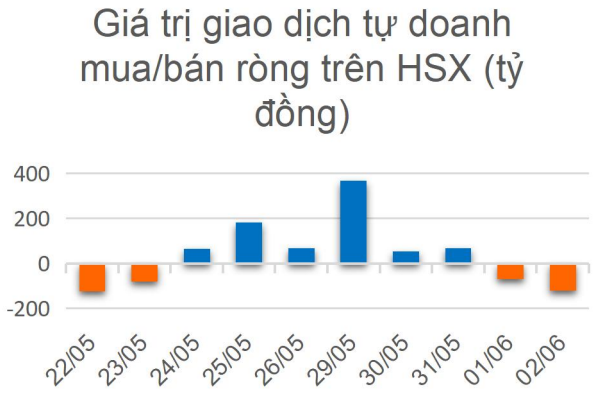

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	3,600.00	DTD	2,031
MST	2,014.46		
VCS	284.50		

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

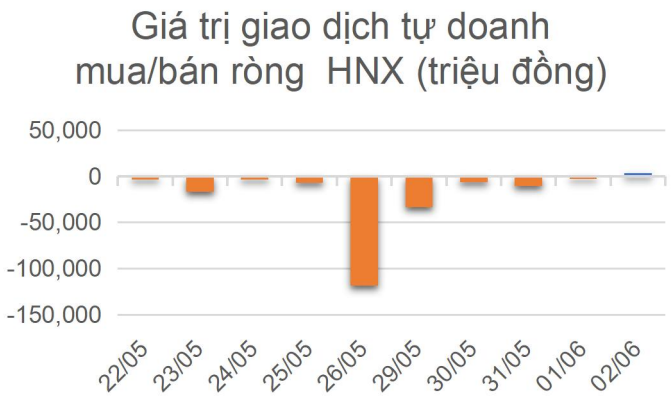

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QTP	1,566.80	BDT	3,688
		PVX	990

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

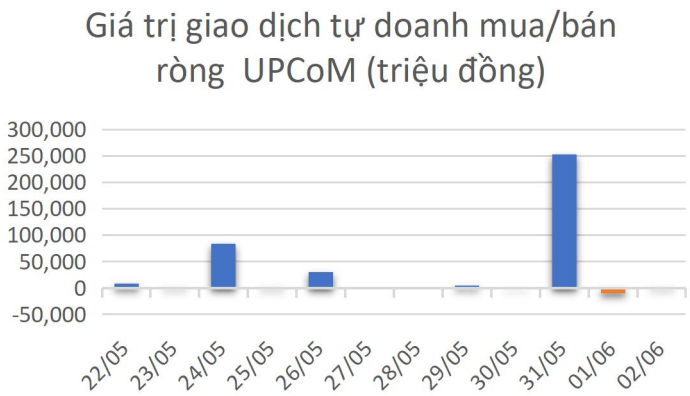

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

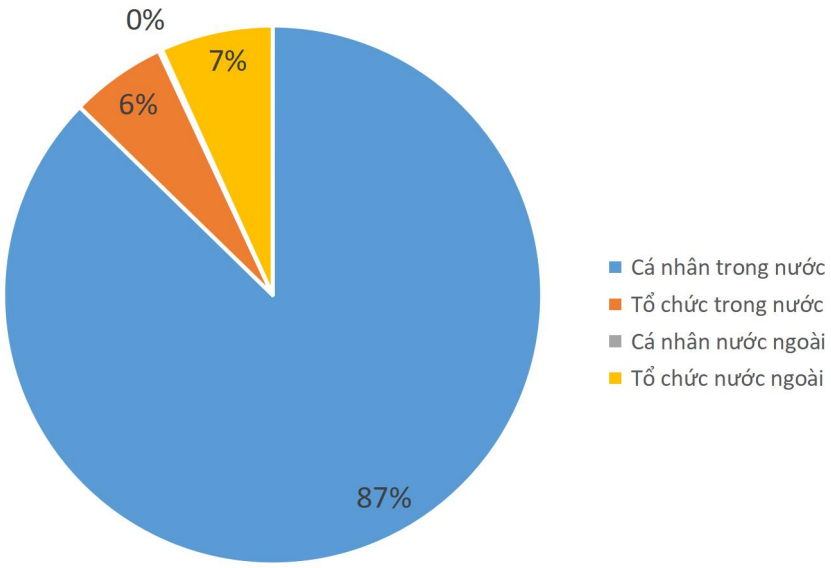

Nguồn: FiinPro – YSVN

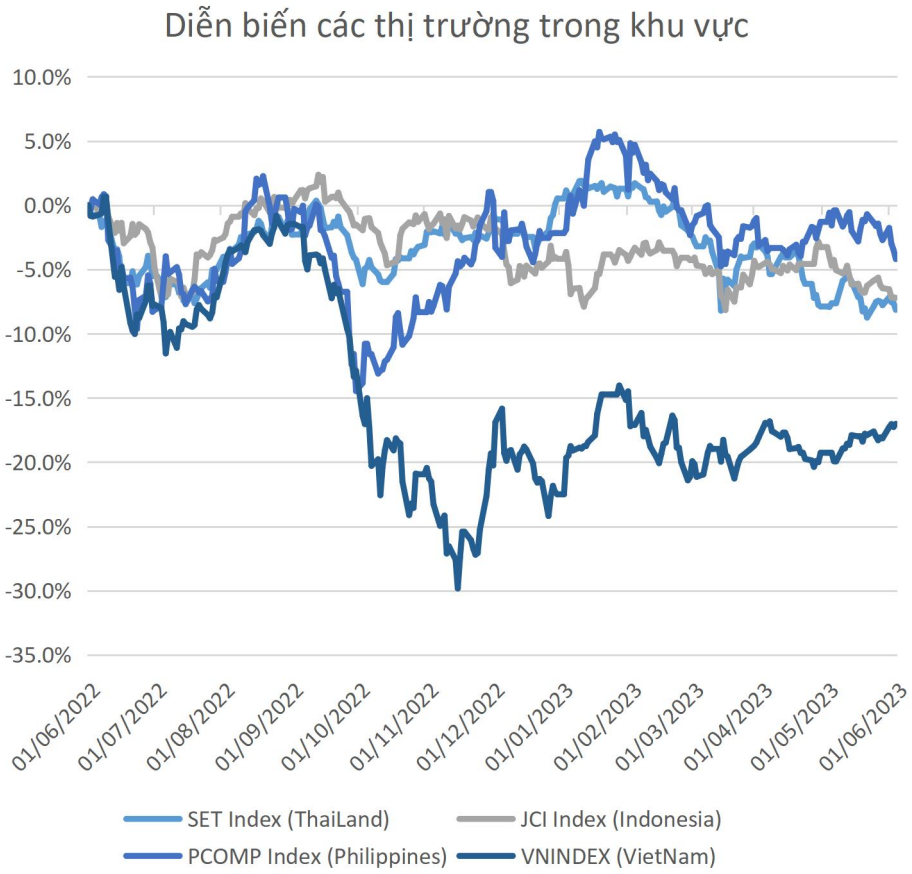

Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.5x	1.9x	1.6x	1.7x
P/E		20.7x	14.5x	13.7x	14.7x
ROE	%	8.26	11.81	10.92	12.84
ROA	%	2.14	3.35	2.40	2.03
Vốn hóa	Tỷ USD	538.23	625.24	164.08	183.19
GTGD	Tỷ USD	1.27	1.78	0.06	0.55
LS cổ tức	%	3.16	4.09	2.50	1.87

Nguồn: Bloomberg & YSVN

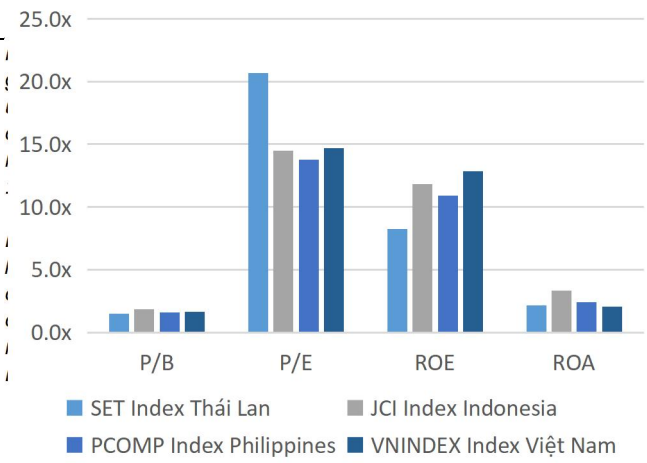

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân
+84 28 3622 6868 ext 3826
research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification
Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.
Ratings Definitions
BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.
HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.
SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.
Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.
Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer
© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written